TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TƠ
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 10-01-2020
V/v tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huy;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Phương Lan;

2. Ông Phạm Duy Huy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Công Bình là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Ông Đinh Văn Ngãi-Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2019/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019, về "*Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: Thôn G, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Anh Đặng Quốc P, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: Thôn G, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị L, anh P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 03/12/2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:*

Chị L và anh P có tổ chức lễ cưới theo phong tục và tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005, nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, sau đó chị L và anh P đã sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

- Về con chung: Quá trình sống chung chị L và anh P có hai người con chung tên là Đặng Thị Kiều T, sinh ngày 22/11/2006 và Đặng Nguyễn Quốc K, sinh ngày 22/4/2010, nếu ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi cháu T và đồng ý giao cháu K cho anh P nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đặng Quốc P trình bày:*

Về thời gian sống chung, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa anh P và chị L đúng như chị L đã trình bày ở trên. Nay chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P thì anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh P và chị L có hai người con chung đúng như chị L đã trình bày. Anh P đồng ý với yêu cầu của chị L, anh P nuôi cháu Đặng Nguyễn Quốc K, sinh ngày 22/4/2010 và đồng ý giao cháu Đặng Thị Kiều T, sinh ngày 22/11/2006 cho chị L nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh P trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa*:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, Thư ký việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ theo quy định tại Điều 28, 35, và 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Thẩm phán thụ lý đúng thẩm quyền, Chánh án ra quyết định phân công Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân đúng quy định; Thẩm phán xác định tư cách người tham gia tố tụng, tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và

hòa giải đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L và anh Đặng Quốc P.

- Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Nguyễn Thị L và anh Đặng Quốc P về việc nuôi con. Giao con chung Đặng Thị Kiều T, sinh ngày 22/11/2006 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Đặng Nguyễn Quốc K, sinh ngày 22/4/2010 cho anh Đặng Quốc P trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị L, anh Đặng Quốc P trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là "Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" đúng theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Đặng Quốc P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn G, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

[3] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L, bị đơn anh Đặng Quốc P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Căn cứ theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

- Nội dung vụ án:

[1] Xét thấy chị Nguyễn Thị L và anh Đặng Quốc P có tổ chức lễ cưới theo phong tục và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005, nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi cũng xác nhận chị L và anh P chưa thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này*". Khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: " *Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*". Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Đặng Quốc P không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về con chung: Hai người chị L và anh P có hai người con chung là Đặng Thị Kiều T, sinh ngày 22/11/2006 và Đặng Nguyễn Quốc K, sinh ngày 22/4/2010, tại phiên hòa giải ngày 20/12/2019 chị L có nguyện vọng được nuôi cháu T và đồng ý giao cháu K cho anh P nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào, anh P cũng đồng ý với yêu cầu của chị L, các bên đương sự đều yêu cầu Tòa án ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận trên. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự về người trực tiếp nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, nên cần công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị L và anh P. Giao cháu T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu K cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Chị L, anh P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở, là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị L phải chịu 300.000^{đ} (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5] Ý kiến của kiểm sát viên về tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 7 Điều 28; các Điều 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53; Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình

năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L và anh Đặng Quốc P.

2. Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Nguyễn Thị L và anh Đặng Quốc P về việc nuôi con:

- Giao con chung Đặng Thị Kiều T, sinh ngày 22/11/2006 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

- Giao con chung Đặng Nguyễn Quốc K, sinh ngày 22/4/2010 cho anh Đặng Quốc P trực tiếp nuôi dưỡng; không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Chị Nguyễn Thị L, anh Đặng Quốc P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí*:* Chị Nguyễn Thị L phải chịu số tiền 300.000^{đ} (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000^{đ} (*Ba trăm ngàn đồng*) chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 011464 ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

Trường hợp bản án, Quyết định được Thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Ba Tơ;
- Chi cục THADS huyện Ba Tơ;
- UBND xã B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Huy